

Bản án số: 29/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 27/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Hoàng Chuân.

- Bà Hà Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn S, Sinh năm 1995. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1989. Vắng mặt không có lý do.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh L.

Người làm chứng:

1. Bà Lương Thị N - Sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh L; Vắng mặt.

2. Anh Bàn Tồn N - Sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh L; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị N được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục để về chung sống cùng nhau từ đầu năm 2019, nhưng đến ngày 04/12/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND K, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai người đều còn trẻ, mỗi người có một suy nghĩ, một cách sống khác xa nhau nên không hòa hợp được. Ngoài ra, một phần do khác nhau về dân tộc phong tục và lối sống không tương đồng nên vợ chồng anh không có tiếng nói chung dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng mỏ và nghi kỵ lẫn nhau, đùn đẩy lẫn nhau dẫn đến kinh tế, việc nhà không ai chịu làm khiến cho tình cảm ngày càng xa cách nhau. Đến khoảng tháng 9/2021 thì cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa và sống ly thân, chị Đặng Thị N đã chuyển về ở hẳn nhà ông bà ngoại ở xã N. Mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng cả hai không ai chịu ai, mỗi người vẫn ở một nơi nên anh nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho anh được ly hôn chị Bàn Thị N.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị N có 01 con chung là cháu Trần Thị X, sinh ngày 29/10/2019, cháu đang ở cùng chị Bàn Thị N. Khi ly hôn, anh có đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Trần Thị X cho chị Bàn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con một lần như yêu cầu của chị N mà nhận cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Bàn Thị N:

Khi Tòa án mở phiên tòa thì chị không có mặt, nhưng quá trình tham gia tố tụng, bản tự khai chị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như anh Trần Văn S trình bày, chị không có bổ sung gì thêm. Vợ chồng chị về chung sống được một thời gian thì hai vợ chồng mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do không có được tiếng nói chung; Hai vợ chồng chị thường xuyên chỉ trích nhau khiến cho tình cảm vợ chồng không còn; Chị sống ở xã N, còn chồng chị ở xã K, đây là do từ trước khi kết hôn chị đã có hộ khẩu ở xã N mà chưa chuyển theo chồng nên chị vẫn giữ nơi ở như vậy. Chị xác định: Vợ chồng chị vẫn còn tình cảm và còn phải có trách nhiệm xây dựng gia đình, cùng có trách nhiệm nuôi con chung nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Chị không có con riêng, cuộc sống chung của chị và anh Trần Văn S có 01 con chung như chồng chị trình bày là đúng. Chị không đồng ý ly hôn mà muốn hai vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nhưng nếu anh Trần Văn S kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì quan điểm về con chung của chị là: Để chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị X- Sinh ngày 29/10/2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh Trần Văn S phải cấp dưỡng nuôi con từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấp dưỡng một lần bằng cách giao tiền mặt hoặc chuyển khoản cho chị. Thời điểm giao tiền trước ngày 25/9/2022.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn anh Trần Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Bàn Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Bàn Thị N.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thị X - Sinh ngày 29/10/2019 cho chị Bàn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo anh Trần Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với chị Bàn Thị N, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn Phiêng Đóng, xã N, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Bàn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Trần Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn S, những người làm chứng, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N có đủ căn cứ xác định: Anh Trần Văn S và chị Bàn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày

04/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Xét quan hệ hôn nhân của vợ chồng họ là hôn nhân là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai người bất đồng về quan điểm, cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mặt khác, theo lời khai của những người làm chứng thì vợ chồng anh Trần Văn S và chị Bàn Thị N có xảy ra tranh cãi và có bạo lực với nhau nên anh Trần Văn S và chị Bàn Thị N không còn sống chung với nhau nữa mà mỗi người một nơi.

Đối với chị Bàn Thị N: Quá trình giải quyết vụ án, chị không đồng ý ly hôn chồng nhưng chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và chỉ nhất trí ly hôn khi anh S cấp dưỡng nuôi con một lần. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn anh Trần Văn S, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh Trần Văn S và chị Bàn Thị N không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn S về việc ly hôn chị Bàn Thị N.

[3] Về nuôi con: Anh Trần Văn S và chị Bàn Thị N có 01 con chung cháu Trần Thị X - Sinh ngày 29/10/2019. Xét thấy, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, đang ở cùng chị Bàn Thị N các đương sự đều có nguyện vọng để chị Bàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng là 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng và cấp dưỡng một lần như chị Bàn Thị N đề nghị: Xét thấy, chị Bàn Thị N không có căn cứ chứng minh việc có khả năng cấp dưỡng một lần của anh Trần Văn S. Theo kết quả xác minh của Tòa án thì anh Trần Văn S là lao động tự do, tuổi đời còn trẻ và chưa có tài sản riêng có giá trị nên không thể cấp dưỡng một lần được. Vì vậy cần tuyên để anh cấp dưỡng theo định kỳ là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn S phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn S:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S được ly hôn với chị Bàn Thị N.

- Về nuôi con: Chị Bàn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị X, sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Trần Thị X đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004326 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Trần Văn S còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã K(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái